TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tiến

2. Ông Bùi Ngọc Quang

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lù Văn K1**, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: Bản C, xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Lường Thị K2**, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Bản T, xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2024 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn anh Lù Văn K1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị K2 đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (Nay là UBND xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên) vào ngày 29/3/2002. Anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ năm 2019 đến nay chị K2 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan

tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Hiện tại anh K1 không còn tình cảm với chị K2, vì vậy anh K1 đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho anh K1 được ly hôn với chị K2.

Về con chung: Anh K1 và chị K2 có 02 người con chung là: cháu Lù Văn C, sinh ngày 28/8/2000 và cháu Lù Tùng L, sinh ngày 06/4/2007. Hiện cháu C đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết. Cháu L đang sống cùng anh K1 từ khi vợ chồng sống ly thân. Nguyện vọng của anh K1 sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh K1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Anh K1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Chị Lường Thị K2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng khác của Toà án tại nơi cư trú, Uỷ ban nhân dân xã và trụ sở Toà án nhưng chị K2 không có văn bản trả lời Thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng đề ngày 09/4/2024, cháu Lù Tùng L trình bày: Sau khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố. Cháu còn nhỏ chưa có tài sản gì.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Chị K2 vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất; sau đó anh K1 có Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Ngày 24/4/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của anh K và chị K2 tại bản T, xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Tại phiên tòa, anh K1vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh K1 được ly hôn với chị K1 và giải quyết về con chung theo nội dung đơn xin ly hôn và bản tự khai anh K1 đã trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K1; Giao con chung là cháu Lù Tùng L cho anh K1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung và quan hệ tài sản; Anh K1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Anh K1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh K1 được ly hôn chị K2 và yêu cầu giải quyết về con chung, đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị K2 có nơi cư trú tại bản T, xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các vấn đề khác: Bị đơn chị K2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị K2 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228/BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh K1 và chị K2 đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu (Nay là UBND xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên) vào ngày 29/3/2002. Anh, chị kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh K1 và chị K2 là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống cùng nhau, anh K1 khai anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ năm 2019 đến nay chị K2 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Biên bản xác minh ngày 24/4/2024 tại bản T, xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thể hiện từ năm 2019 đến nay chị K2 không sống cùng anh K1 nữa mà đã bỏ về gần nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa anh K1 và chị K2 là có thật; vợ chồng đã sống ly thân 05 năm không còn đi lại, quan tâm gì đến nhau nữa; hôn nhân giữa anh K1 và chị K2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh K1.

***[2.2] Về con chung*:** Anh K1 và chị K2 có 02 người con chung là: cháu Lù Văn C, sinh ngày 28/8/2000 và cháu Lù Tùng L, sinh ngày 06/4/2007. Hiện cháu C đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Cháu L đang sống cùng anh K1 từ khi vợ chồng sống ly thân. Anh K1 có nguyện vọng được trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu L, cháu L cũng có nguyện vọng được sống cùng anh K1; còn chị K2 không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, không đến tham gia phiên họp, hòa giải và cũng không đến tham gia phiên tòa để trình bày quan điểm của mình về nguyện vọng nuôi con. Theo Biên bản xác minh ngày 24/4/2024 tại bản T, xã A, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thể hiện chị K2 đang đi làm thuê ở Công ty dưới xuôi, thi thoảng mới về nhà chơi vài ngày rồi lại đi; Tại Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của anh K1 ngày 09/4/2024 có xác nhận của Trưởng bản C và UBND xã A thể hiện anh K1 đang là công chức xã nên có đủ điều kiện và thời gian chăm sóc con chung. Xét thấy nguyện vọng của anh K1 là phù hợp với thực tế, không trái với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K1, giao cháu L cho anh K1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

***[2.3] Về quan hệ tài sản*:** Anh K1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả và nợ lấy về nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn anh Lù Văn K1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét ý kiến và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 71; Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

***1. Về quan hệ hôn nhân*:** Anh Lù Văn K1 được ly hôn chị Lường Thị K2.

2. Về con chung: Anh Lù Văn K1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Lù Tùng L, sinh ngày 06/4/2007

cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Lù Văn K1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả và nợ lấy về.

4. Về án phí: Anh Lù Văn K1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000761 ngày 18/3/2024, anh K1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

***5. Về quyền kháng cáo*:** Anh Lù Văn K1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/5/2024). Chị Lường Thị K2 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã A, huyện Mường Ảng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phạm Thị Châm